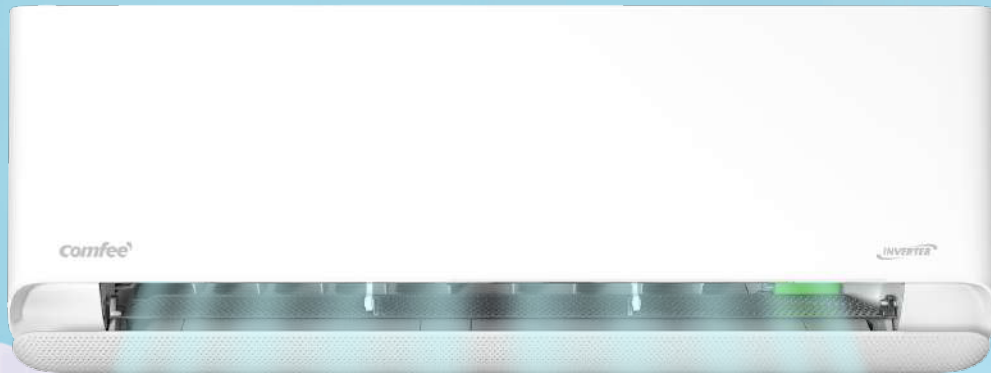


comfee'

Điều hòa Châu Âu

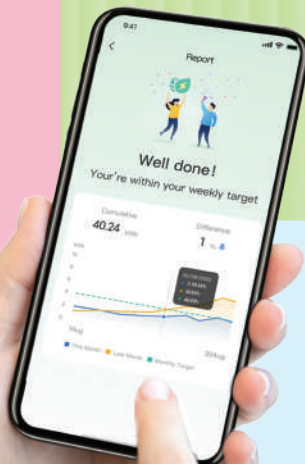


reddot winner 2023

IoT Platform App
SmartHome 3.0



Một trong những sản phẩm
(*) đầu tiên đạt Hiệu Suất
Năng Lượng cấp 5 sao theo
chuẩn mới TCVN 7830:2021 từ
Vinacomin.





COMFEE AIR SERIES
CFS-10VCB1/ CFS-13VCB1

COMFEE AIR

Comfee tạo làn gió mát dễ chịu và lan tỏa đều khắp phòng nhờ vào sự kết hợp giữa “Cánh Đảo Gió Kép” với thiết kế 5.013 lỗ gió siêu nhỏ và cấu trúc đồng hồ cát của “Lưới Tản Gió”. Giảm thiểu tình trạng gió thổi vào một điểm gây cảm giác khó chịu.

CÁNH ĐẢO GIÓ KÉP VỚI LỖ GIÓ SIÊU NHỎ



Cánh Đảo Gió Kép với 5013 lỗ gió siêu nhỏ.

“Cánh Đảo Gió Kép” với 2 cánh trong (162°) và ngoài (34°) sẽ điều chỉnh hướng gió, tốc độ thổi linh động và hiệu quả hơn.



Cấu trúc Đồng Hồ Cát

“Lưới Tản Gió” với lỗ gió siêu nhỏ có cấu trúc “Đồng Hồ Cát” giúp làn gió được thổi ra nhẹ nhàng, và tăng độ lan tỏa rộng hơn.



CÔNG NGHỆ IONIZER

Hệ thống Ionizer với cơ chế khử khuẩn bằng ion âm làm tăng hiệu quả lọc bụi và diệt vi khuẩn, mang đến bầu không khí thêm trong lành, sạch sẽ và tinh khiết hơn.



H1N1 99.99%



E. Coli 97.43%



COVID-19 99.13%



S. Aureus 98.17%



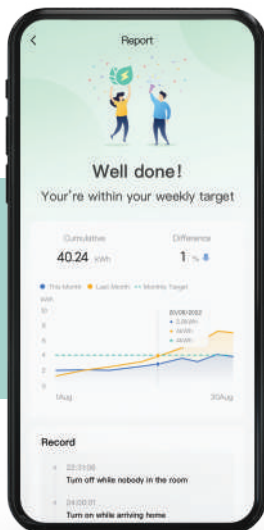
iECO Quản lý điện năng



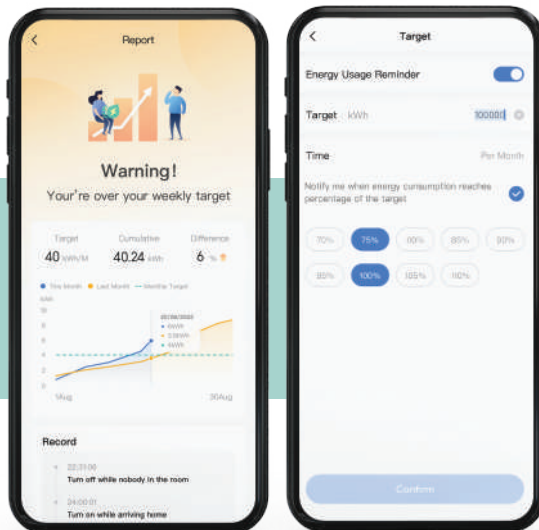
reddot winner 2023
IoT Platform App SmartHome 3.0

Không lo âu chi phí với khả năng theo dõi mức tiêu thụ điện năng và nhận được cảnh báo tùy theo cài đặt “mức tiêu thụ điện năng tối đa” hàng tháng trên ứng dụng SmartHome.

Báo cáo tiêu thụ điện



Cảnh báo tiêu thụ điện



ECO MODE Tiết kiệm điện

Với chế độ Eco, Comfee sẽ hoạt động với mức tiêu thụ điện năng siêu tiết kiệm chỉ 1,61 kW/h cho mỗi đêm (8 tiếng).



SLEEP CURVE Chăm sóc giấc ngủ

Càng về khuya, trời sẽ càng trở lạnh. Với chế độ Sleep Curve, hạn chế cảm lạnh với khả năng cài đặt khung thời gian và duy trì mức nhiệt độ ổn định suốt đêm trên ứng dụng SmartHome.



FOLLOW ME Cảm biến vị trí

Trang bị cảm biến nhiệt độ có trên remote, Comfee sẽ tự động điều chỉnh nhiệt độ quanh vị trí của bạn dựa theo nhiệt độ đã cài đặt.



Với Follow me



Không có Follow me

COOL FLASH Làm lạnh siêu tốc

Công nghệ Cool Flash cho khả năng khởi động ở tốc độ cao, có thể đạt tần số 65Hz trong vòng 6s, duy trì “công suất cao” liên tục giúp làm lạnh nhanh nhất.

Làm lạnh nhanh hơn
so với điều hòa thường **20%**

6°C trong 10 phút từ 36°C xuống 30°C

Thể tích
680 M³

Khoảng cách
9.0 M

* Dựa trên dữ liệu phòng thí nghiệm trong điều kiện cụ thể



AI COOL SERIES

CFS-10VAF / CFS-13VAF /
CFS-18VAF / CFS-25VAF /
CFS-28VAF



Hey Comfee'! Mở điều hòa.

AI COOL Điều khiển bằng giọng nói

Chủ động điều khiển Comfee mọi lúc mọi nơi thông qua giọng nói trên ứng dụng SmartHome*.



*Kết nối Google Assistant.



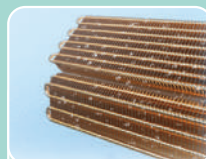
EMAX Vi xử lý tối ưu

Điều hòa Comfee được trang bị vi xử lý tối tân E-Max với máy nén hoạt động liên tục ở tốc độ cực thấp 12Hz. Vận hành êm ái, bền bỉ và tối ưu điện năng so với các thế hệ trước 16 lần.



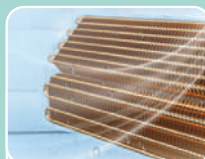
ACTIVE CLEAN Sạch sâu, kháng khuẩn

Tự động làm sạch nhờ tối đa công suất làm lạnh trong thời gian ngắn giúp "đóng băng" các loại nấm mốc, dầu mỡ, bụi bám trên dàn tản nhiệt và đột ngột giảm độ lạnh để các chất bẩn bị cuốn trôi theo dòng nước tan.



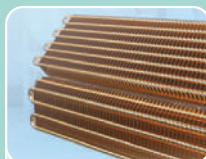
Bước 1

Tốc độ gió thấp
và ngưng tụ



Bước 2

Thổi

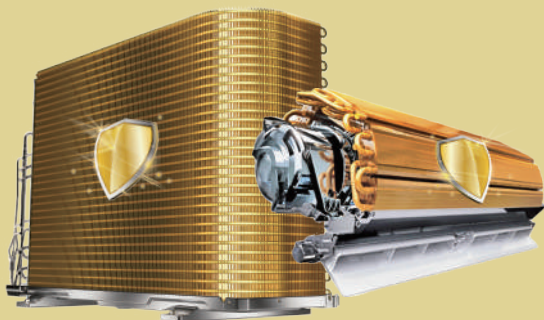


Bước 3

Sấy khô

GOLDEN COATING Lớp phủ chống ăn mòn

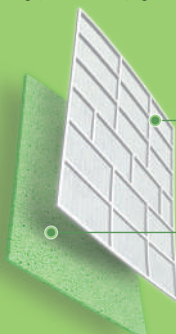
Hệ thống lá tản nhiệt bên trong cả dàn nóng và dàn lạnh được phủ thêm lớp bảo vệ cao cấp giúp đảm bảo hiệu suất và tuổi thọ của thiết bị nhờ khả năng chống ăn mòn vật liệu, hạn chế được sự phát triển và tích tụ của vi khuẩn, nấm mốc.



DUAL FILTER Công nghệ lọc kép

Đầu tiên, không khí đi qua màng lọc loại bỏ triệt để các hạt bụi có kích thước từ 0.7-0.75 mm. Sau đó, qua lớp lọc mùi tích hợp than hoạt tính giúp hấp thụ và phân hủy các chất độc trong không khí như Formaldehyde, Amoniac và Benzen góp phần giảm thiểu khả năng gây dị ứng.

*Màng lọc có thể giặt và tái sử dụng để tiết kiệm chi phí.



Bước 1: Màng lọc bụi



Bước 2: Màng lọc mùi



COMFEE AIR SERIES



Model	CFS-10VCB1	CFS-13VCB1
Dàn lạnh	CFS-10VCB1F-V(*)	CFS-13VCB1F-V(*)
Dàn nóng	CFS-10VCB1C-V(*)	CFS-13VCB1C-V(*)
Inverter	Có	Có
Xuất xứ	Thái Lan	Thái Lan

Chức năng nổi bật

IOT – Kết nối Wifi	Có	Có
AI COOL – Điều khiển bằng giọng nói	Có	Có
iECO – Quản lý điện năng tiêu thụ qua ứng dụng	Có	Có
Comfee Air – Mát êm dịu	Có	Có
Ionizer – Diệt khuẩn bằng ion âm	Có	Có
Sleep Curve – Chương trình chăm sóc giấc ngủ	Có	Có
Cool Flash – Làm lạnh siêu tốc	Có	Có
Follow me – Cảm biến nhiệt độ	Có	Có
Eco mode – Chế độ tiết kiệm điện tối ưu	Có	Có
Gear mode – Tiết kiệm điện chủ động 3 cấp	50%, 75%, 100%	50%, 75%, 100%
Active Clean mode – Chế độ tự làm sạch dàn lạnh	Có	Có
Golden Coating – Lớp phủ chống ăn mòn dàn nóng/lạnh	Có	Có
Dual Filtration – Công nghệ lọc kép	Có	Có
Sleep mode – Chế độ ngủ	Có	Có
Auto Restart mode – Tự khởi động lại	Có	Có
Dehumidification mode – Chế độ hút ẩm	Có	Có
Màn hình hiển thị nhiệt độ trên dàn lạnh	Có	Có
Đèn trên remote	Có	Có

Thông số kỹ thuật

Điện áp		230V,1Ph,50Hz	230V,1Ph,50Hz
Thông số làm lạnh	Công suất làm lạnh (Btu/h)	10,000	12,000
	Công suất làm lạnh (W)	802	1105
	Dòng điện làm lạnh (A)	5.0	5.1
	Hiệu suất năng lượng (EER)	3.7	3.18
	Chỉ số hiệu suất năng lượng (CSPF)	5.7/ 5sao	5.7/ 5sao
Lưu lượng gió làm lạnh (Cao/ Vừa/ Thấp) (m³/h)		547/375/288	547/375/288
Độ ồn dàn lạnh (Cao/ Vừa/ Thấp) (dB(A))		38.5/33/30.5	38.5/33/30.5
Kích thước làm lạnh	Kích thước sản phẩm (D*S*C) (mm)	812x199x299	812x199x299
	Đóng gói (D*S*C) (mm)	870x277x385	870x277x385
	Trọng lượng (Sản phẩm/đóng gói)	9.3/12.05	9.3/12.05
Lưu lượng gió dàn nóng (Cao/ Vừa/ Thấp) (m³/h)		1800	1800
Độ ồn dàn nóng (Cao/ Vừa/ Thấp) (dB(A))		53.5	53.5
Kích thước dàn nóng	Kích thước sản phẩm (D*S*C) (mm)	720x270x495	720x270x495
	Đóng gói (D*S*C) (mm)	835x300x540	835x300x540
	Trọng lượng (Sản phẩm/đóng gói)	20/22	20/22
Gas làm lạnh (kg)		R32/0.5	R32/0.5
Áp suất thiết kế (Design pressure) (MPa)		4.3/1.7	4.3/1.7
Nhiệt độ làm lạnh (°C)		17~30	17~30
Ống đồng	Ống lỏng/ Ống khí (inch)	6.35mm(1/4in)/9.52mm(3/8in)	6.35mm(1/4in)/9.52mm(3/8in)
	Chiều dài ống tối đa (m)	15	15
	Chênh lệch độ cao tối đa (m)	10	10
Nhiệt độ phòng	Dàn lạnh (°C)	16~32	16~32
	Dàn nóng (°C)	0~50	0~50
Diện tích phòng (m²)		15	15-20

.Thiết kế và các thông số kỹ thuật có thể thay đổi mà không cần báo trước.
.Một trong những sản phẩm (*) đầu tiên đạt Hiệu Suất Năng Lượng cấp 5 sao theo chuẩn mới TCVN 7830:2021 từ Vinacomín.

AI COOL SERIES



Model	CFS-10VAF	CFS-13VAF
Dàn lạnh	CFS-10VAFF-V	CFS-13VAFF-V
Dàn nóng	CFS-10V AFC-V	CFS-13V AFC-V
Inverter	Có	Có
Xuất xứ	Thái Lan	Thái Lan

Chức năng nổi bật

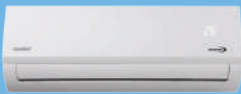
IOT – Kết nối Wifi	Có	Có
AI COOL – Điều khiển bằng giọng nói	Có	Có
Sleep Curve – Chương trình chăm sóc giấc ngủ	Có	Có
Hyper Tech – Làm lạnh nhanh	Có	Có
Follow me – Cảm biến nhiệt độ	Có	Có
Eco mode – Chế độ tiết kiệm điện tối ưu	Có	Có
Active Clean mode – Chế độ tự làm sạch dàn lạnh	Có	Có
Golden Coating – Lớp phủ chống ăn mòn dàn nóng/lạnh	Có	Có
Dual Filtration – Công nghệ lọc kép	Có	Có
Sleep mode – Chế độ ngủ	Có	Có
Auto Restart mode – Tự khởi động lại	Có	Có
Dehumidification mode – Chế độ hút ẩm	Có	Có
Màn hình hiển thị nhiệt độ trên dàn lạnh	Có	Có
Đèn trên remote	Có	Có

Thông số kỹ thuật

Điện áp		220~240V, 1Ph, 50HZ	230V,1Ph,50Hz
Thông số làm lạnh	Công suất làm lạnh (Btu/h)	9,000	12,000
	Công suất làm lạnh (W)	825	1100
	Dòng điện làm lạnh (A)	6.1	7.3
	Hiệu suất năng lượng (EER)	3.20	3.20
	Chỉ số hiệu suất năng lượng (CSPF)	4.77/5 sao	4.31/ 5 sao
Lưu lượng gió làm lạnh (Cao/ Vừa/ Thấp) (m³/h)		1900	2500
Độ ồn dàn lạnh (Cao/ Vừa/ Thấp) (dB(A))		13	12
Kích thước làm lạnh	Kích thước sản phẩm (D*S*C) (mm)	715x194x285	805x194x285
	Đóng gói (D*S*C) (mm)	780x270x365	870x270x365
	Trọng lượng (Sản phẩm/đóng gói)	7.4/9.5	7.8/10
Lưu lượng gió dàn nóng (Cao/ Vừa/ Thấp) (m³/h)		1300	1800
Độ ồn dàn nóng (Cao/ Vừa/ Thấp) (dB(A))		54.5	53.5
Kích thước dàn nóng	Kích thước sản phẩm (D*S*C) (mm)	668x252x469	720x270x495
	Đóng gói (D*S*C) (mm)	765x270x515	835x300x540
	Trọng lượng (Sản phẩm/đóng gói)	16.985/18.62	21.2/22.9
Gas làm lạnh (kg)		R32/0.36	R32/0.44
Áp suất thiết kế (Design pressure) (MPa)		4.3/1.7	4.3/1.7
Nhiệt độ làm lạnh (°C)		17~30	17~30
Ống đồng	Ống lỏng/ Ống khí (inch)	6.35mm(1/4in)/9.52mm(3/8in)	6.35mm(1/4in)/9.52mm(3/8in)
	Chiều dài ống dùng bấy đầu tối đa (m)	25	25
	Chiều dài ống tối đa (m)	15	15
	Chênh lệch độ cao tối đa (m)	10	10
Nhiệt độ phòng	Dàn lạnh (°C)	17~32	16~32
	Dàn nóng (°C)	0~50	0~50
Diện tích phòng (m²)		15	15-20

Thiết kế và các thông số kỹ thuật có thể thay đổi mà không cần báo trước.

AI COOL SERIES



Model	CFS-18VAF	CFS-25VAF	CFS-28VAF
Dàn lạnh	CFS-18VAFF-V	CFS-25VAFF-V (*)	CFS-28VAFF-V(*)
Dàn nóng	CFS-18VAFC-V	CFS-25VAFC-V (*)	CFS-28VAFC-V(*)
Inverter	Có	Có	Có
Xuất xứ	Thái Lan	Thái Lan	Thái Lan

Chức năng nổi bật

IOT – Kết nối Wifi	Có	Có	Có
AI COOL – Điều khiển bằng giọng nói	Có	Có	Có
Sleep Curve – Chương trình chăm sóc giấc ngủ	Có	Có	Có
Hyper Tech – Làm lạnh siêu tốc	Có	Có	Có
Follow me – Cảm biến nhiệt độ	Có	Có	Có
Eco mode – Chế độ tiết kiệm điện tối ưu	Có	Có	Có
Active Clean mode – Chế độ tự làm sạch dàn lạnh	Có	Có	Có
Golden Coating – Lớp phủ chống ăn mòn dàn nóng/lạnh	Có	Có	Có
Dual Filtration – Công nghệ lọc kép	Có	Có	Có
Sleep mode – Chế độ ngủ	Có	Có	Có
Auto Restart mode – Tự khởi động lại	Có	Có	Có
Dehumidification mode – Chế độ hút ẩm	Có	Có	Có
Màn hình hiển thị nhiệt độ trên dàn lạnh	Có	Có	Có
Đèn trên remote	Có	Có	Có

Thông số kỹ thuật

Điện áp		220~240V, 1Ph, 50HZ	220~240V, 1Ph, 50HZ	230V,1Ph,50Hz
Thông số làm lạnh	Công suất làm lạnh (Btu/h)	17,500	25,000	27,000
	Công suất làm lạnh (W)	1748	2492	2816
	Dòng điện làm lạnh (A)	7.6	11.6	7.3
	Hiệu suất năng lượng (EER)	2.85	2.9	3.20
	Chỉ số hiệu suất năng lượng (CSPF)	4.47/5 sao	4.92/ 5 sao	4.31/ 5 sao
Lưu lượng gió làm lạnh (Cao/ Vừa/ Thấp) (m³/h)		3200	1045/830/630	1045/830/630
Độ ồn dàn lạnh (Cao/ Vừa/ Thấp) (dB(A))		14	45.5/40/33	45.5/40/33
Kích thước làm lạnh	Kích thước sản phẩm (D*S*C) (mm)	957x213x302	1040x220x327	1040x220x327
	Đóng gói (D*S*C) (mm)	1035x295x385	1120x405x315	1120x405x315
	Trọng lượng (Sản phẩm/đóng gói)	10.85/14	12.36/15.92	12.36/15.92
Lưu lượng gió dàn nóng (Cao/ Vừa/ Thấp) (m³/h)		2100	3500	3500
Độ ồn dàn nóng (Cao/ Vừa/ Thấp) (dB(A))		55.5	56	56
Kích thước dàn nóng	Kích thước sản phẩm (D*S*C) (mm)	765x303x610	890x342x673	890x342x673
	Đóng gói (D*S*C) (mm)	765x270x515	995x398x740	995x398x740
	Trọng lượng (Sản phẩm/đóng gói)	27.2/29.4	39.37/42.70	39.37/42.70
Gas làm lạnh (kg)		R32/0.65	R32/1.15	R32/1.15
Áp suất thiết kế (Design pressure) (MPa)		4.3/1.7	4.3/1.7	4.3/1.7
Nhiệt độ làm lạnh (°C)		17~30	17~30	17~30
Ống đồng	Ống lỏng/ Ống khí (inch)	6.35mm(1/4in)/12.7mm(1/2in)	9.52mm(3/8in)/15.9mm(5/8in)	9.52mm(3/8in)/15.9mm(5/8in)
	Chiều dài ống dùng bấy đầu tối đa (m)	30	50	50
	Chiều dài ống tối đa (m)	20	20	20
	Chênh lệch độ cao tối đa (m)	10	12	12
Nhiệt độ phòng	Dàn lạnh (°C)	17~32	17~32	17~32
	Dàn nóng (°C)	0~50	0~50	0~50
Diện tích phòng (m²)		25~30	30~40	40~50

. Thiết kế và các thông số kỹ thuật có thể thay đổi mà không cần báo trước.
. Một trong những sản phẩm (*) đầu tiên đạt Hiệu Suất Năng Lượng cấp 5 sao theo chuẩn mới TCVN 7830:2021 từ Vinacominn.

MONO SERIES



Model	CFS-10FWFF-V	CFS-13FWFF-V
Dàn lạnh	CFS-10FWFF-V	CFS-13FWFF-V
Dàn nóng	CFS-10FWFC-V	CFS-13FWFC-V
Inverter	Không	Không
Xuất xứ	Thái Lan	Thái Lan

Chức năng nổi bật

IOT – Kết nối Wifi	Có	Có
Sleep mode – Chế độ ngủ	Có	Có
Auto restart mode – Tự khởi động lại	Có	Có
Active Clean mode – Chế độ tự làm sạch dàn lạnh	Có	Có
Dehumidification mode – Chế độ hút ẩm	Có	Có
Màn hình hiển thị nhiệt độ trên dàn lạnh	Có	Có
Golden Coating – Lớp phủ chống ăn mòn dàn lạnh	Có	Có

Thông số kỹ thuật

Điện áp		230V,1Ph,50Hz	230V,1Ph,50Hz
Thông số làm lạnh	Công suất làm lạnh (Btu/h)	9,000	11,500
	Công suất làm lạnh (W)	755	1053
	Dòng điện làm lạnh (A)	3.60	5.00
	Hiệu suất năng lượng (EER)	3.4	3.2
	Chỉ số hiệu suất năng lượng (CSPF)	3.50/ 2sao	3.40 / 2 sao
Lưu lượng gió làm lạnh (Cao/ Vừa/ Thấp) (m³/h)		496/380/334	639/462/391
Độ ồn dàn lạnh (Cao/ Vừa/ Thấp) (dB(A))		39/32.5/28.5	41.1/35/30.7
Kích thước làm lạnh	Kích thước sản phẩm (D*S*C) (mm)	715x194x285	805x194x285
	Đóng gói (D*S*C) (mm)	780x270x365	870x270x365
	Trọng lượng (Sản phẩm/đóng gói)	7.6/9.8	8.4/10.7
Lưu lượng gió dàn nóng (Cao/ Vừa/ Thấp) (m³/h)		1800	2000
Độ ồn dàn nóng (Cao/ Vừa/ Thấp) (dB(A))		52.5	50.5
Kích thước dàn nóng	Kích thước sản phẩm (D*S*C) (mm)	720x270x495	765x303x555
	Đóng gói (D*S*C) (mm)	835x300x540	887x337x610
	Trọng lượng (Sản phẩm/đóng gói)	23.7/25.5	27.3/29.7
Gas làm lạnh (kg)		R32/0.42	R32/0.43
Áp suất thiết kế (Design pressure) (MPa)		4.3/1.7	4.3/1.7
Nhiệt độ làm lạnh (°C)		17~30	17~30
Ống đồng	Ống lỏng/ Ống khí (inch)	6.35mm(1/4in)/9.52mm(3/8in)	6.35mm(1/4in)/9.52mm(3/8in)
	Chiều dài ống dùng bấy dầu tối đa (m)	20	20
	Chiều dài ống tối đa (m)	10	15
	Chênh lệch độ cao tối đa (m)	6	6
Nhiệt độ phòng	Dàn lạnh (°C)	17~32	17~32
	Dàn nóng (°C)	0~50	0~50
Diện tích phòng (m²)		15	15~20